

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN MIỀN BẮC

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

*kèm theo*

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

---

*Được kiểm toán bởi:*

**Chi nhánh Hà Thành - Công ty TNHH kiểm toán và định giá Hồng Hà  
Số 1 ngách 470/59 Nguyễn Trãi, P.Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, TP Hà Nội**

*Hà Nội, tháng 03 năm 2023*

**MỤC LỤC**

	<b>Trang</b>
<b>Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc</b>	02-03
<b>Báo cáo kiểm toán độc lập</b>	04
<b>Báo cáo tài chính đã được kiểm toán</b>	
<b>Bảng cân đối kế toán</b>	05-06
<b>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh</b>	07
<b>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ</b>	08
<b>Bản thuyết minh báo cáo tài chính</b>	09-22

## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Thiết bị điện miền Bắc (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022.

### **Công ty**

Công ty cổ phần Thiết bị điện miền Bắc.

### **Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp**

Số 2300244882, đăng ký lần đầu ngày 28/05/2004, đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 10/01/2022.  
Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Ninh cấp.

### **Trụ sở chính**

KCN Quế Võ, xã Phương Liễu, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh.

### **Hội đồng quản trị**

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Bà Cung Tố Lan	Chủ tịch	(Bổ nhiệm từ ngày 27/9/2022)
Ông Trần Anh Tuấn	Chủ tịch	(Miễn nhiệm từ ngày 27/9/2022)
Bà Trần Thị Thu Thủy	Thành viên	
Bà Nguyễn Thị Phương	Thành viên	

### **Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Bà Trần Thị Thu Thủy            Tổng Giám đốc

### **Đại diện theo pháp luật**

Bà Trần Thị Thu Thủy            Tổng Giám đốc

### **Kiểm toán viên**

Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam (AVA).

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.



Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2022, kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Bắc Ninh, ngày 28 tháng 3 năm 2023

TM. Ban Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc



Trần Thị Thu Thủy



**CHI NHÁNH HÀ THÀNH  
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ HỒNG HÀ**

ĐC: Số 1 Ngách 470/59 Nguyễn Trãi - P. Thanh Xuân Trung - Q. Thanh Xuân - Hà Nội

Email: hh.auditing.cnht@gmail.com

Website: www.hhauditing.com

CHUYÊN NGÀNH KIỂM TOÁN, TƯ VẤN KẾ TOÁN TÀI CHÍNH, THUẾ, ĐỊNH GIÁ

Số: 08/BCKT-TC/23

Hà Nội, ngày 28 tháng 3 năm 2023

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: Quý cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty cổ phần Thiết bị điện miền Bắc**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty cổ phần Thiết bị điện miền Bắc, được lập ngày 28/3/2023, từ trang 05 đến trang 22, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**Ý kiến của kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần Thiết bị điện miền Bắc tại ngày 31/12/2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

**CHI NHÁNH HÀ THÀNH - CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ HỒNG HÀ**

Giám đốc

Số chứng thư

1099

Kiểm toán viên

SC/UBS



Lê Thanh Nam



CHỦ TỊCH

**NGUYỄN VĂN TOÀN**

Trịnh Văn Tuấn

Giấy CNĐKHN Kiểm toán số 1966-2023-093-1

Giấy CNĐKHN Kiểm toán số 2051-2023-093-1



Mẫu số B 01 - DN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>85.864.731.334</b>	<b>74.552.633.999</b>
. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	3.112.082.221	5.831.138.929
1. Tiền	111		2.112.082.221	1.671.283.795
2. Các khoản tương đương tiền	112		1.000.000.000	4.159.855.134
. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2	41.510.682.000	39.044.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		41.510.682.000	39.044.000.000
. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		35.233.422.701	23.024.710.129
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	33.658.802.444	22.129.423.800
2. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	1.574.620.257	895.286.329
. Hàng tồn kho	140	V.5	6.008.544.412	6.566.767.877
1. Hàng tồn kho	141		6.008.544.412	6.566.767.877
. Tài sản ngắn hạn khác	150		-	86.017.064
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	2.017.064
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.9	-	84.000.000
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>37.169.074.596</b>	<b>40.013.361.066</b>
. Tài sản cố định	220		22.902.007.597	24.487.435.207
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	22.902.007.597	24.487.435.207
- Nguyên giá	222		48.704.229.336	48.704.229.336
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(25.802.221.739)	(24.216.794.129)
. Tài sản dài hạn khác	260		14.267.066.999	15.525.925.859
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.6	14.267.066.999	15.525.925.859
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN(270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>123.033.805.930</b>	<b>114.565.995.065</b>

Mẫu số B 01 - DN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022  
(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>32.886.188.893</b>	<b>24.872.712.378</b>
. Nợ ngắn hạn	<b>310</b>		<b>32.886.188.893</b>	<b>24.872.712.378</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.8	31.840.741.675	24.524.863.776
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.9	584.180.576	113.962.173
3. Phải trả người lao động	314		246.066.834	155.886.429
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.10	78.000.000	78.000.000
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.11	31.199.808	-
6. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		106.000.000	-
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>90.147.617.037</b>	<b>89.693.282.687</b>
. Vốn chủ sở hữu	<b>410</b>	V.12	<b>90.147.617.037</b>	<b>89.693.282.687</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		88.485.000.000	88.485.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		88.485.000.000	88.485.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Vốn khác của chủ sở hữu	414		386.400.000	386.400.000
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		1.276.217.037	821.882.687
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		715.882.687	(3.100.140.743)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		560.334.350	3.922.023.430
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN(440=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>123.033.805.930</b>	<b>114.565.995.065</b>

Người lập biểu

*Đỗ Thị Thường*

Đỗ Thị Thường

Phụ trách kế toán

*Đỗ Thị Thường*

Đỗ Thị Thường

Bắc Ninh, ngày 28 tháng 3 năm 2023

Tổng Giám đốc



Trần Thị Thu Thủy



Mẫu số B 02 - DN

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Năm 2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2022	Năm 2021
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	24.678.904.712	70.035.360.550
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		24.678.904.712	70.035.360.550
3. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	22.035.080.875	63.654.295.804
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		2.643.823.837	6.381.064.746
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	2.147.066.858	1.838.558.072
6. Chi phí tài chính	22	VI.4	314.177.197	-
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	3.716.508.171	4.186.554.596
8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(25+26)}	30		760.205.327	4.033.068.222
9. Thu nhập khác	31	VI.6	225.000.000	446
10. Chi phí khác	32	VI.7	11.500.000	-
11. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		213.500.000	446
12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		973.705.327	4.033.068.668
13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.9	413.370.977	111.045.238
14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		560.334.350	3.922.023.430
15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70	VI.10	63,33	431,26
16. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	71		63,33	431,26

Người lập biểu

Đỗ Thị Thường

Phụ trách kế toán

Đỗ Thị Thường

Bắc Ninh, ngày 28 tháng 3 năm 2023

Trần Thị Thu Thủy Giám đốc





Mẫu số B 03 - DN

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2022	Năm 2021
<b>. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		973.705.327	4.033.068.668
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		1.585.427.610	1.658.800.406
- Các khoản dự phòng	03		-	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		314.177.197	(98.253.038)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(2.147.066.858)	(1.740.305.034)
- Chi phí lãi vay	06		-	-
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		726.243.276	3.853.311.002
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(12.122.695.508)	2.446.097.212
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		558.223.465	-
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		8.883.361.832	(6.969.453.994)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		1.258.858.860	1.258.858.860
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(236.761.520)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(932.769.595)	588.813.080
<b>. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(525.000.000)	-
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của ĐV khác	23		(34.510.682.000)	(39.044.000.000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		32.044.000.000	-
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và LN được chia	27		1.169.963.035	1.185.920.644
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(1.821.718.965)	(37.858.079.356)
<b>. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		-	-
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		(2.754.488.560)	(37.269.266.276)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		5.831.138.929	43.117.998.952
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi NT	61		35.431.852	(17.593.747)
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)</b>	<b>70</b>		<b>3.112.082.221</b>	<b>5.831.138.929</b>

Người lập biểu

*Đỗ Thị Thường*

Đỗ Thị Thường

Kế toán trưởng

*Đỗ Thị Thường*

Đỗ Thị Thường

Bắc Ninh, ngày 28 tháng 3 năm 2023

Tổng Giám đốc



Trần Thị Thuý

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2022

### I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

#### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty cổ phần Thiết bị điện miền Bắc được thành lập trên cơ sở chuyển đổi từ Công ty TNHH Liên doanh sản xuất thiết bị điện miền Bắc theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2300244882 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Ninh cấp lần đầu ngày 28/05/2004, đăng ký thay đổi lần thứ 08 ngày 10/01/2022.

Trụ sở chính của Công ty: KCN Quế Võ, xã Phương Liễu, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh.

Văn phòng giao dịch: KCN Quế Võ, xã Phương Liễu, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh.

Vốn điều lệ của Công ty: 88.485.000.000 đồng.

Tổng số cổ phần: 8.848.500 cổ phần.

#### 2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất; kinh doanh thương mại các thiết bị điện.

#### 3. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển; Chi tiết: Sản xuất công tơ điện tử.
- Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện; Chi tiết: Sản xuất, lắp ráp bảng tủ điện cao áp, trung áp, hạ áp và các tủ bảng thông tin - viễn thông, các vật tư, thiết bị điện khác.
- Xây dựng công trình công ích; Chi tiết: Xây lắp các công trình điện và viễn thông công cộng.
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật; Chi tiết: Thí nghiệm, hiệu chỉnh các thiết bị điện.

Hoạt động chính của Công ty trong năm là kinh doanh các vật tư, thiết bị điện.

#### 4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

#### 5. Cấu trúc doanh nghiệp

Tổng số cán bộ nhân viên

Tại ngày 31/12/2022, Công ty có 06 cán bộ nhân viên (tại ngày 01/01/2022, có 07 cán bộ nhân viên).

#### 6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính của Công ty được lập đảm bảo tính so sánh.

### II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

#### 1. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán thường niên của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

#### 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ trong kế toán là Đồng Việt Nam (ký hiệu quốc gia là “đ”; ký hiệu quốc tế là “VND”).



### III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

#### 1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính Hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

#### 2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính riêng được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

### IV. Các chính sách kế toán áp dụng

#### 1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

#### 2. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, nếu chưa được lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật, kế toán tiến hành đánh giá khả năng thu hồi. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được, kế toán tiến hành ghi nhận số tổn thất vào chi phí tài chính trong kỳ. Trường hợp số tổn thất không thể xác định được một cách đáng tin cậy, kế toán tiến hành thuyết minh trên Báo cáo tài chính về khả năng thu hồi của khoản đầu tư.

#### 3. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Việc xác định các khoản cần lập dự phòng phải thu khó đòi được căn cứ vào các khoản mục được phân loại là phải thu ngắn hạn, dài hạn của Bảng cân đối kế toán. Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

#### 4. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

##### Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho của Công ty là những tài sản được mua vào để sản xuất hoặc để bán trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường.

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

##### Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang: chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu.

##### Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.



**Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho**

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

**5. Nguyên tắc ghi nhận và các phương pháp khấu hao TSCĐ, TSCĐ thuê tài chính, bất động sản đầu tư**

**Tài sản cố định**

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao áp dụng theo Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	12 - 29 năm
- Máy móc, thiết bị	07 - 12 năm
- Phương tiện vận tải	10 năm
- Thiết bị dụng cụ quản lý và tài sản khác	10 năm
- Tài sản cố định khác	08 năm

Chênh lệch giữa thu thuần do thanh lý nhượng bán với giá trị còn lại của TSCĐ được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**6. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước**

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

**7. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả**

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Khi lập Báo cáo tài chính, kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả để phân loại là ngắn hạn hoặc dài hạn.

Khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tồn thất có khả năng chắc chắn xảy ra, kế toán ghi nhận ngay một khoản phải trả theo nguyên tắc thận trọng.

**8. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc hạch toán các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ.

Các khoản chi phí phải trả phải sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế sẽ được hoàn nhập.

**9. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

**Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, quyền chọn trái phiếu chuyển đổi, vốn khác của chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm Thặng dư vốn cổ phần.



#### **Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối**

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của Công ty sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

### **10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu**

#### **Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

#### **Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phân công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

#### **Doanh thu hoạt động tài chính**

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Cổ phiếu thưởng hay cổ tức trả bằng cổ phiếu: Không ghi nhận khoản thu nhập khi quyền được nhận cổ phiếu thưởng hay cổ tức bằng cổ phiếu được xác lập, số lượng cổ phiếu thưởng hay cổ tức bằng cổ phiếu nhận được thuyết minh trên báo cáo tài chính có liên quan.

#### **Thu nhập khác**

Phản ánh các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp. gồm:

- Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ;
- Thu tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng;
- Thu tiền bồi thường của bên thứ ba để bù đắp cho tài sản bị tổn thất (ví dụ thu tiền bảo hiểm được bồi thường, tiền đền bù di dời cơ sở kinh doanh và các khoản có tính chất tương tự);
- Thu các khoản nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ;
- Thu các khoản nợ phải trả không xác định được chủ;
- Các khoản thu nhập khác ngoài các khoản nêu trên.

### **11. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán**

Phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp bán trong kỳ.

Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính vào giá vốn hàng bán trên cơ sở số lượng hàng tồn kho và phần chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc hàng tồn kho.

Khi bán sản phẩm, hàng hóa kèm thiết bị, phụ tùng thay thế thì giá trị thiết bị, phụ tùng thay thế được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

Đối với phần giá trị hàng tồn kho hao hụt, mất mát, kế toán tính ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có).



Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, kế toán tính ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

Các khoản thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế bảo vệ môi trường đã tính vào giá trị hàng mua, nếu khi xuất bán hàng hóa mà các khoản thuế đó được hoàn lại thì được ghi giảm giá vốn hàng bán.

Các khoản chi phí giá vốn hàng bán không được coi là chi phí tính thuế TNDN theo quy định của Luật thuế nhưng có đầy đủ hóa đơn chứng từ và đã hạch toán đúng theo Chế độ kế toán Công ty không ghi giảm chi phí kế toán mà chỉ điều chỉnh trong quyết toán thuế TNDN để làm tăng số thuế TNDN phải nộp.

## **12. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính**

Phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán; Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản chi phí tài chính không được coi là chi phí tính thuế TNDN theo quy định của Luật thuế nhưng có đầy đủ hóa đơn chứng từ và đã hạch toán đúng theo Chế độ kế toán Công ty không ghi giảm chi phí kế toán mà chỉ điều chỉnh trong quyết toán thuế TNDN để làm tăng số thuế TNDN phải nộp.

## **13. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp**

Các khoản chi phí ghi nhận là chi phí bán hàng bao gồm: Các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển,...

Các khoản chi phí ghi nhận là chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm: Các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...)

Các khoản chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp không được coi là chi phí tính thuế TNDN theo quy định của Luật thuế nhưng có đầy đủ hóa đơn chứng từ và đã hạch toán đúng theo Chế độ kế toán Công ty không ghi giảm chi phí kế toán mà chỉ điều chỉnh trong quyết toán thuế TNDN để làm tăng số thuế TNDN phải nộp.

## **14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại**

### **Chi phí Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

### **Chi phí Thuế thu nhập hoãn lại**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc:

- Ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm;
- Hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước.

## **15. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác**

### **15.1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các nghiệp vụ, giao dịch phát sinh và được ghi sổ kế toán tại Văn phòng Công ty.



**15.2. Các bên liên quan**

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, cần chú ý tới bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

**V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán**

Đơn vị tính: VND

1. Tiền	31/12/2022	01/01/2022
	Tiền mặt tại quỹ	138.536.178
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.973.546.043	1.661.077.680
Các khoản tương đương tiền (*)	1.000.000.000	4.159.855.134
	<b>3.112.082.221</b>	<b>5.831.138.929</b>

(\*) Các khoản tương đương tiền tại ngày 31/12/2022 là các khoản tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng với mức lãi suất 5,6%/năm gửi tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bắc Ninh.

**2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn**

**Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
<b>Ngắn hạn</b>				
+ Tiền gửi có kỳ hạn không quá 12 tháng tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bắc Ninh	26.000.000.000	26.000.000.000	28.000.000.000	28.000.000.000
+ Tiền gửi có kỳ hạn không quá 12 tháng tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	15.510.682.000	15.510.682.000	11.044.000.000	11.044.000.000
	<b>41.510.682.000</b>	<b>41.510.682.000</b>	<b>39.044.000.000</b>	<b>39.044.000.000</b>

Tại ngày 31/12/2022, các khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá 12 tháng được gửi tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 5,2%/năm đến 9,3%/năm.

**3. Phải thu của khách hàng**

Ngắn hạn	31/12/2022	01/01/2022
	Công ty cổ phần kỹ thuật công nghiệp Á Châu	7.638.287.030
Công ty cổ phần Điện công nghiệp Hà Nội	26.020.515.414	-
	<b>33.658.802.444</b>	<b>22.129.423.800</b>

**4. Phải thu khác**

Ngắn hạn	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ký cược, ký quỹ	-	-	285.990.000	-
Lãi dự thu tiền gửi ngân hàng	1.574.620.257	-	609.296.329	-
	<b>1.574.620.257</b>	<b>-</b>	<b>895.286.329</b>	<b>-</b>



**5. Hàng tồn kho**

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	3.961.973.823	-	3.961.973.823	-
Công cụ, dụng cụ	63.187.476	-	63.187.476	-
Chi phí SXKD dở dang	52.146.398	-	52.146.398	-
Thành phẩm	1.931.236.715	-	2.323.463.345	-
Hàng hóa	-	-	165.996.835	-
	<b>6.008.544.412</b>	<b>-</b>	<b>6.566.767.877</b>	<b>-</b>

Hàng tồn kho của Công ty chủ yếu là các vật tư, thiết bị điện nhỏ lẻ phục vụ cho hoạt động sản xuất của Công ty. Tuy nhiên, do Công ty đã dừng sản xuất từ cuối năm 2019 nên số lượng các tài sản này hầu như không biến động trong năm. Tại thời điểm 31/12/2022, Công ty chưa đánh giá giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho để làm cơ sở trích lập giá trị dự phòng giảm giá hàng tồn kho (nếu có).

**6. Chi phí trả trước**

	31/12/2022	01/01/2022
<b>Dài hạn</b>		
Chênh lệch giá trị quyền thuê đất, chi phí giải phóng mặt bằng, hạ tầng kỹ thuật	14.267.066.999	15.525.925.859
	<b>14.267.066.999</b>	<b>15.525.925.859</b>

**7. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

**Phụ lục số 01**

**8. Phải trả người bán**

	Giá trị và số có khả năng trả nợ	
	31/12/2022	01/01/2022
<b>Ngắn hạn</b>		
Công ty CP kỹ thuật công nghiệp Á Châu	22.010.314.440	-
Chint Electrics (Hong Kong) Limited	9.830.427.235	9.480.818.186
Công ty TNHH phát triển Xây dựng Việt Nam Kiến Hưng	-	750.000.000
Công ty cổ phần Phát triển Điện Công Nghiệp Hà Nội	-	8.718.018.760
Công ty TNHH thương mại Minh Yên	-	5.576.026.830
	<b>31.840.741.675</b>	<b>24.524.863.776</b>

**9. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước**

**Phải nộp**

	31/12/2022	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	01/01/2022
	Thuế GTGT phải nộp	296.525.881	325.572.358	29.046.477
Thuế thu nhập doanh nghiệp	287.654.695	413.370.977	236.761.520	111.045.238
Thuế thu nhập cá nhân	-	10.280.208	13.197.143	2.916.935
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	202.453.680	202.453.680	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	10.658.000	10.658.000	-
	<b>584.180.576</b>	<b>962.335.223</b>	<b>492.116.820</b>	<b>113.962.173</b>

**Phải thu**

	31/12/2022	Số phải thu trong kỳ	Số đã thu trong kỳ	01/01/2022
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	(84.000.000)	-	84.000.000
	-	(84.000.000)	-	84.000.000

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**10. Chi phí phải trả**

	31/12/2022	01/01/2022
<b>Ngắn hạn</b>		
Chi phí phải trả khác	78.000.000	78.000.000
	<b>78.000.000</b>	<b>78.000.000</b>

**11. Phải trả khác**

	31/12/2022	01/01/2022
<b>Ngắn hạn</b>		
Kinh phí công đoàn	22.800.000	-
Phải trả phải nộp khác	8.399.808	-
	<b>31.199.808</b>	<b>-</b>

**12. Vốn chủ sở hữu**

**12.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Vốn góp khác của chủ sở hữu	LNST thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư 01/01/2021	88.485.000.000	386.400.000	(3.100.140.743)	85.771.259.257
Lãi/(lỗ) trong kỳ			3.922.023.430	3.922.023.430
<b>Số dư 31/12/2021</b>	<b>88.485.000.000</b>	<b>386.400.000</b>	<b>821.882.687</b>	<b>89.693.282.687</b>
Số dư 01/01/2022	88.485.000.000	386.400.000	821.882.687	89.693.282.687
Lãi/(lỗ) trong kỳ			560.334.350	560.334.350
Phân phối lợi nhuận (*)			(106.000.000)	(106.000.000)
				-
<b>Số dư 31/12/2022</b>		<b>386.400.000</b>	<b>1.276.217.037</b>	<b>90.147.617.037</b>

**Phân phối lợi nhuận**

	Năm 2022	Năm 2021
Tổng lợi nhuận kỳ trước chuyển sang	821.882.687	(3.100.140.743)
Lợi nhuận sau thuế TNDN trong kỳ	560.334.350	3.922.023.430
Tăng, giảm ( ) khác	-	-
Phân phối lợi nhuận năm trước, trong đó:	<b>106.000.000</b>	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	106.000.000	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối cuối kỳ	<b>1.276.217.037</b>	<b>821.882.687</b>



12.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu	31/12/2022		01/01/2022	
	Tỷ lệ (%)	Giá trị	Tỷ lệ (%)	Giá trị
Tổng Công ty Điện lực miền Bắc (EVN NPC)	26,26	23.236.160.000	26,26	23.236.160.000
Trần Thị Thu Thủy	35,98	31.834.180.000	47,48	42.012.680.000
Nguyễn Thị Phương	26,26	23.236.160.000	26,26	23.236.160.000
Cổ đông khác	11,50	10.178.500.000	-	-
	<b>100,00</b>	<b>88.485.000.000</b>	<b>100,00</b>	<b>88.485.000.000</b>

12.3. Các giao dịch về vốn với các CSH và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận	Năm 2022		Năm 2021	
	<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>			
Vốn góp đầu kỳ	88.485.000.000		88.485.000.000	
Vốn góp cuối kỳ	88.485.000.000		88.485.000.000	
<b>Cổ tức, lợi nhuận đã chia</b>				
Lợi nhuận đã phân phối	106.000.000		-	

12.4. Cổ phiếu	31/12/2022		01/01/2022	
	Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	8.848.500		8.848.500
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng				
Cổ phiếu phổ thông	8.848.500		8.848.500	
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	8.848.500		8.848.500	
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành	10.000		10.000	

**VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Đơn vị tính: VND	
	Năm 2022	Năm 2021
Doanh thu bán hàng hóa	24.678.904.712	70.035.360.550
	<b>24.678.904.712</b>	<b>70.035.360.550</b>
<b>2. Giá vốn hàng bán</b>		
Giá vốn của hàng bán (*)	22.035.080.875	63.654.295.804
	<b>22.035.080.875</b>	<b>63.654.295.804</b>

(\*) Trong đó chi phí khấu hao tài sản cố định không phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022 là: 1.117.081.410 đồng.

**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm 2022	Năm 2021
Lãi tiền gửi ngân hàng	2.147.066.858	1.740.305.034
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại cuối năm	-	98.253.038
	<b>2.147.066.858</b>	<b>1.838.558.072</b>

**4. Chi phí tài chính**

	Năm 2022	Năm 2021
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại cuối năm	314.177.197	-
	<b>314.177.197</b>	<b>-</b>

**5. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm 2022	Năm 2021
<b>Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp</b>		
Chi phí nhân viên quản lý	1.158.839.870	1.572.099.399
Chi phí vật liệu, dụng cụ, đồ dùng	67.039.380	31.716.364
Chi phí khấu hao TSCĐ	468.346.200	532.350.002
Chi phí - Thuế, phí và lệ phí	15.555.386	13.703.464
Chi phí dự phòng	-	
Chi phí dịch vụ mua ngoài	510.494.620	535.311.096
Chi phí bằng tiền khác	1.496.232.715	1.501.374.271
	<b>3.716.508.171</b>	<b>4.186.554.596</b>

**6. Thu nhập khác**

	Năm 2022	Năm 2021
Công nợ không phải trả theo biên bản hợp với nhà cung cấp	225.000.000	-
Các khoản khác	-	446
	<b>225.000.000</b>	<b>446</b>

**7. Chi phí khác**

	Năm 2022	Năm 2021
Khoản phạt vi phạm hành chính	11.500.000	-
	<b>11.500.000</b>	<b>-</b>

**8. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố**

	Năm 2022	Năm 2021
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	459.266.010	31.716.364
Chi phí nhân công	1.158.839.870	1.572.099.399
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.585.427.610	1.658.800.406
Chi phí dịch vụ mua ngoài	526.050.006	549.014.560
Chi phí khác bằng tiền	1.496.232.715	1.501.374.271
	<b>5.225.816.211</b>	<b>5.313.005.000</b>



9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2022	Năm 2021
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN (1)	973.705.327	4.033.068.668
Các khoản điều chỉnh tăng (2)	1.128.581.410	1.144.044.151
<i>Lỗ CLTG khi đánh giá lại tài khoản tiền gửi cuối kỳ</i>	-	17.593.747
<i>Chi phí khấu hao của TSCĐ không phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh</i>	1.117.081.410	1.126.450.404
<i>Khoản phạt vi phạm hành chính</i>	11.500.000	-
Các khoản điều chỉnh giảm (3)	35.431.852	-
<i>Lãi CLTG do đánh giá lại số dư tiền gửi có gốc ngoại tệ cuối kỳ</i>	35.431.852	-
Thu nhập chịu thuế TNDN (4)=(1)+(2)-(3)	2.066.854.885	5.177.112.819
Khoản lỗ được kết chuyển theo quy định	-	(4.621.886.630)
Tổng thu nhập tính thuế sau khi kết chuyển lỗ (5)	2.066.854.885	555.226.189
Thuế suất thuế TNDN (6)	20%	20%
Thuế TNDN được miễn, được giảm (7)	-	-
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (=5)*(6)-(7)</b>	<b>413.370.977</b>	<b>111.045.238</b>

Trường hợp cơ quan có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp xác định số lỗ Công ty được chuyển khác với số lỗ do Công ty tự xác định thì số lỗ được chuyển xác định theo kết luận của cơ quan kiểm tra, thanh tra.

10. Lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

Lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu của năm 2021 được trình bày nêu trên đã được điều chỉnh lại so với số liệu đã trình bày trong báo cáo tài chính năm 2021 do phản ánh khoản thực trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế năm 2021 theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 số 04/NQ-ĐHCĐ ngày 06/7/2022.

Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản, suy giảm trên cổ phiếu:

	Năm 2022	Năm 2021	Năm 2021 trình bày lại
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	560.334.350	3.922.023.430	3.922.023.430
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận sau thuế	-	-	(106.000.000)
<i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>	-	-	-
<i>Các khoản điều chỉnh giảm (trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi)</i>	-	-	(106.000.000)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	560.334.350	3.922.023.430	3.816.023.430
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	8.848.500	8.848.500	8.848.500
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	63,33	443,24	431,26
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	63,33	443,24	431,26



Không có tác động nào làm suy giảm các cổ phiếu phổ thông kể từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày hoàn thành báo cáo tài chính này.

Lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu của năm 2022 được tính khi chưa trừ quỹ khen thưởng, phúc lợi do tại thời điểm lập báo cáo tài chính này chưa có Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên. Hàng năm, Công ty căn cứ vào kết quả kinh doanh đạt được cuối năm, Đại hội đồng cổ đông sẽ quyết định tỷ lệ trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cụ thể. Do đó, số liệu này có thể thay đổi tùy thuộc vào Quyết định phân phối lợi nhuận của Đại hội đồng cổ đông sau ngày lập báo cáo tài chính này.

## VII. Những thông tin khác

Đơn vị tính: VND

### 1. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

### 2. Thông tin về các bên liên quan

#### 2.1. Danh sách các bên liên quan

##### Bên liên quan

Bà Trần Thị Thu Thủy

##### Mối quan hệ

Tổng giám đốc, cổ đông lớn

#### 2.2. Giao dịch với các bên liên quan khác như sau

##### Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc

Lương, thưởng

Năm 2022

Năm 2021

230.635.350

321.389.695

### 3. Trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận

Công ty không lập báo cáo bộ phận vì không thoả mãn 1 trong 3 điều kiện phải lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh hay khu vực địa lý được quy định tại thông tư 20/2006/TT-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ Tài chính v/v hướng dẫn thực hiện sáu (06) chuẩn mực kế toán ban hành theo Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15/02/2005 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

### 4. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 đã được kiểm toán.

Người lập biểu

Đỗ Thị Thường

Phụ trách kế toán

Đỗ Thị Thường

Bắc Ninh, ngày 28 tháng 3 năm 2023

Tổng Giám đốc



Trần Thị Thu Thủy



**Phụ lục số 01**

**Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ QL	TSCĐ hữu hình khác	Cộng
<b>Nguyên giá</b>						
Số dư 01/01/2022	38.523.323.644	8.202.544.740	1.853.916.364	53.363.636	71.080.952	48.704.229.336
Mua trong kỳ		-	-	-	-	-
<b>Số dư 31/12/2022</b>	<b>38.523.323.644</b>	<b>8.202.544.740</b>	<b>1.853.916.364</b>	<b>53.363.636</b>	<b>71.080.952</b>	<b>48.704.229.336</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Số dư 01/01/2022	14.556.402.473	8.115.710.704	1.420.236.364	53.363.636	71.080.952	24.216.794.129
Khấu hao trong kỳ (*)	1.425.503.004	59.844.606	100.080.000	-	-	1.585.427.610
<b>Số dư 31/12/2022</b>	<b>15.981.905.477</b>	<b>8.175.555.310</b>	<b>1.520.316.364</b>	<b>53.363.636</b>	<b>71.080.952</b>	<b>25.802.221.739</b>
<b>Giá trị còn lại</b>						
Tại ngày 01/01/2022	23.966.921.171	86.834.036	433.680.000	-	-	24.487.435.207
<b>Tại ngày 31/12/2022</b>	<b>22.541.418.167</b>	<b>26.989.430</b>	<b>333.600.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>22.902.007.597</b>

Nguyên giá TSCĐ tại ngày 31/12/2022 đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng

9.027.705.692 đồng.

(\*) Công ty cổ phần Thiết bị điện miền Bắc đã dừng sản xuất từ cuối năm 2019, theo đó hầu hết các tài sản cố định phục vụ hoạt động sản xuất của Công ty cũng đã tạm dừng hoạt động từ cuối năm 2019. Công ty vẫn tiếp tục trích khấu hao những tài sản cố định này, giá trị đã khấu hao của những tài sản này trong năm 2022 là: 1.117.081.410 đồng.